

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ



MỤC LỤC

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Quá trình hình thành phát triển
2. Ngành nghề kinh doanh, Địa bàn kinh doanh
3. Sơ đồ tổ chức
4. Định hướng phát triển 2018
5. Rủi ro

1 - 16

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và Nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

17 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018
2. Nhìn lại những thành tựu, tiến bộ của Công ty năm 2018
3. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHCĐ
4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2019

28 - 34

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá tình hình
2. Kết quả điều hành hoạt động năm 2018
3. Kế hoạch, định hướng của ĐHCĐ năm 2019
4. Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2019

35 - 41

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát
3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban TGD và BKS năm 2018
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan
5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

42 - 45

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tiêu thụ năng lượng
2. Bảo vệ môi trường
3. Chính sách liên quan đến người lao động

46 - 50

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

51 - 55



THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty : **Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú**

Tên giao dịch : VINH PHU RAILWAY JOINT STOCK
COMPANY

Vốn điều lệ : 12,295,790,000VNĐ

Trụ sở chính : Phố Kiến Thiết - phường Bến Gót
- TP.Việt Trì - tỉnh Phú Thọ

Điện thoại : 0210 3910217

Fax : 0210 3910249

Email : duongsatvp@gmail.com

Website : <http://duongsatvinhphu.com>

Giấy chứng
nhận ĐKKD : 2600109073

Mã cổ phiếu DSV

Logo :



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

2018

Một năm đầy biến động của ngành đường sắt. Tuy nhiên công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú vẫn tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển.



2015

Ngày 02/12/2016, giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM với giá tham chiếu 10.000 đ/cp

2016

Ngày 30/10/2015, Bộ Giao thông vận tải Quyết định số 3898/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú. Ngày 31/12/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 2 số 2600109073 cho Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú



2003

Từ tháng 06/2010, Công ty QLĐS Vĩnh Phú được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên QLĐS Vĩnh Phú theo Quyết định số 717/QĐ-ĐS ngày 29/6/2010 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

2010

Ngày 20/03/2003, Xí nghiệp QLĐS Vĩnh Phú đổi tên thành Công ty Quản lý Đường Sắt Vĩnh Phú

Tháng 05/1965, Tổng cục đường sắt ban hành QĐ số 1119Q Đ/TC thành lập 7 Đoạn quản lý Đường sắt. Công vụ đoạn Việt Trì đổi tên là Đoạn Quản lý đường sắt 6, phạm vi quản lý bao gồm: Tuyến đường sắt Việt Trì - Yên Viên - Thái Nguyên.

1965



Tiền thân là Công vụ đoạn Việt Trì thành lập ngày 22/11/1955 theo QĐ của Tổng cục Đường sắt 2127/QĐ-ĐS

1955



"Quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú gắn liền với truyền thống lịch sử phát triển của Ngành đường sắt. Tuy có những lúc thăng trầm, song nhìn chung mỗi thời kỳ là mỗi bước phát triển đi lên. Cho tôi xin phép được thay mặt CBCNV thế hệ hôm nay cảm ơn các thế hệ cha anh đi trước đã đặt nền móng để có được sự trưởng thành và phát triển ngày nay của Công ty" – Chủ tịch HĐQT



Hàng năm Công đoàn và Đoàn thanh niên công ty đều được cấp trên xét công nhận là đơn vị vững mạnh xuất sắc.

Huân chương lao động hạng ba năm 1964 do Nhà nước trao tặng và lẵng hoa của Bác Hồ gửi tặng.

Từ năm 2001 đến nay, Công ty thường xuyên là đơn vị nhận được nhiều Bằng khen của 2 tỉnh và các cấp trong Ngành Giao thông Vận tải.

Năm 2007, Công ty được Chính phủ trao tặng bằng khen và vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba cho CBCNV Công ty.



Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú tự hào là đơn vị thành viên có thể mạnh trong các hoạt động văn hóa thể thao toàn Ngành, cũng như các hoạt động xã hội – cộng đồng.



Hằng năm, Công ty thường tổ chức các hoạt động xã hội nhằm hỗ trợ cho những gia đình, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn tại vùng sâu, vùng xa của cả nước như trao tặng Sổ tiết kiệm tình nghĩa, chương trình “Áo ấm cho em”...



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, ĐỊA BÀN KINH DOANH

Chiến lược kinh doanh của Công ty là duy trì và khai thác có hiệu quả hoạt động thi công xây lắp và sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; đồng thời đẩy mạnh hoạt động đấu thầu thi công các công trình trong và ngoài ngành đường sắt, kinh doanh sản phẩm công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, bao gồm: bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt, sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn các công trình đường sắt (theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng;



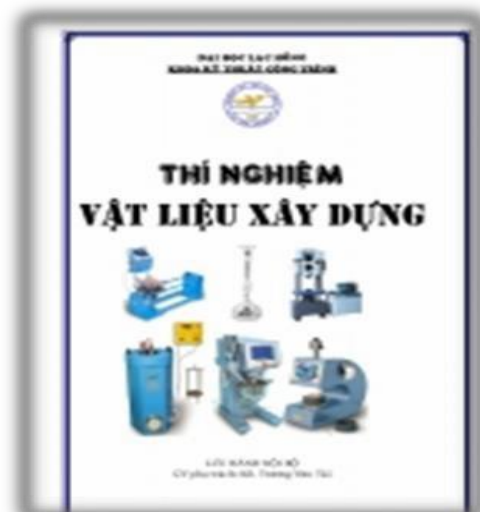
- Tham gia cứu chữa, cứu nạn sự cố xảy ra trên đường sắt, khắc phục bão lũ;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh khác:

- Sản xuất cấu kiện bê tông, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất các cấu kiện bằng kim loại...

- Tư vấn đầu tư xây dựng chuyên ngành;

- Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;



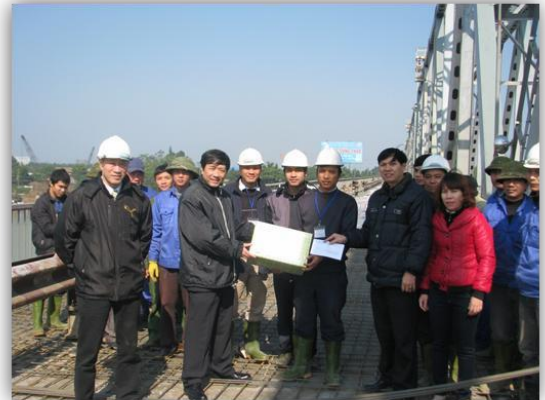
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;



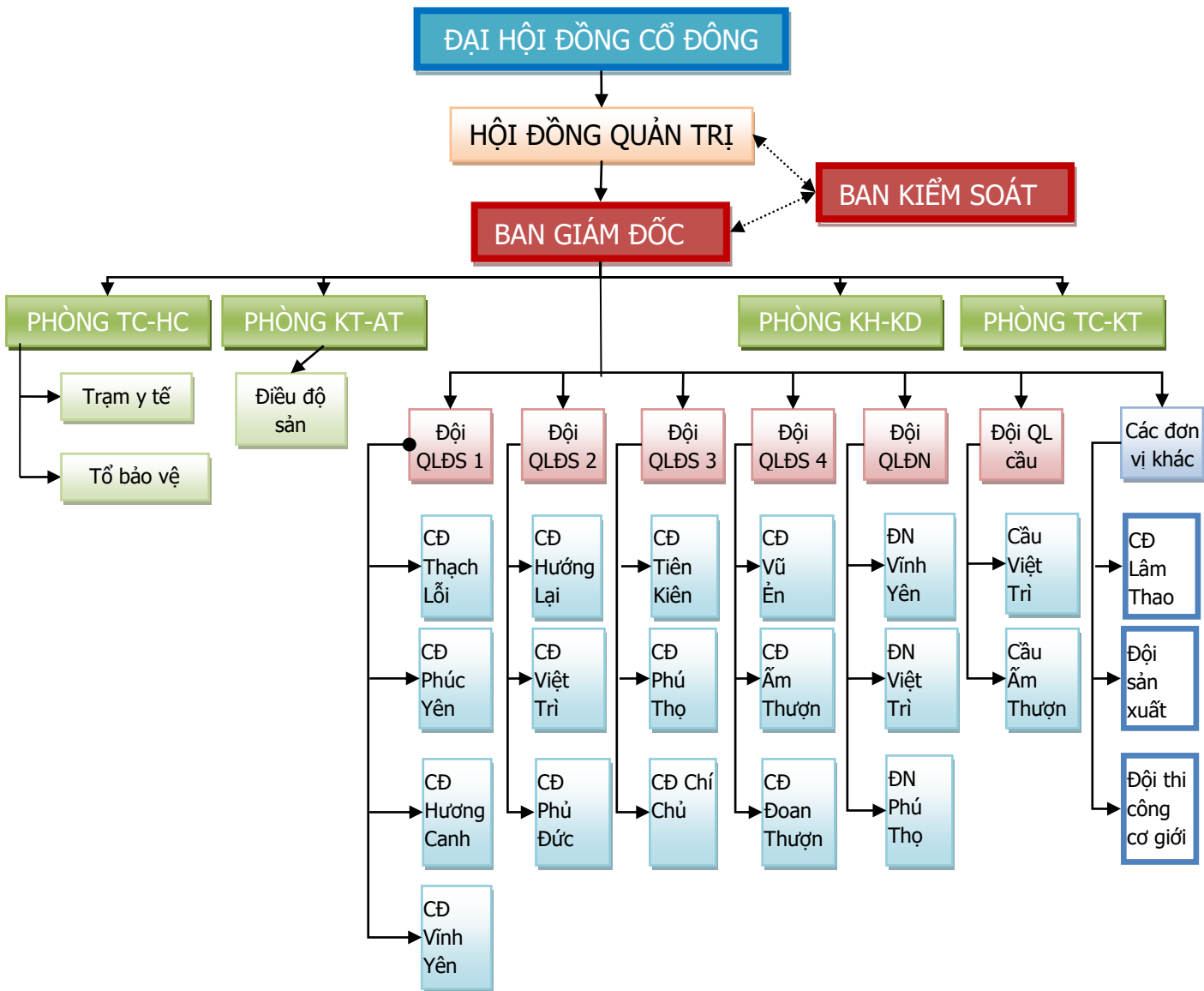
- Khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm bằng đá.

Địa bàn kinh doanh:

Công ty đang phấn đấu mục tiêu củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong nhận thầu, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các công trình.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



❖ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Gồm tất cả các cổ đông có quyền, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị công ty.



❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ HĐQT do Luật pháp và Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ **Ban Giám đốc Công ty:** Ban Giám đốc bao gồm 1 Giám đốc và 3 Phó Giám đốc.

- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Phó giám đốc là người giúp việc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc nhiệm vụ được phân công; thực hiện các công việc thay Giám đốc khi được ủy quyền. Quyết định các công việc theo ủy quyền của Giám đốc và trong phạm vi quyền hạn.



❖ **Phòng Tổ Chức – Hành chính**

• **Chức năng**

Là cơ quan giúp việc cho Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, tổng hợp, tổ chức phối hợp giữa các phòng, đội, đơn vị của Công ty trong việc thực hiện các quyết định của Giám đốc công ty.

• **Nhiệm vụ**

- Quản lý và hướng dẫn các phòng ban cơ quan Công ty về công tác văn thư, lưu trữ; tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ của Cơ quan Công ty theo quy định của pháp luật;
- Kiểm tra thể thức và thủ tục hành chính trong việc ban hành các văn bản của Công ty phát hành;
- Tham mưu cho Lãnh đạo về công tác tổ chức nhân sự của công ty; chế độ chính sách cho người lao động.
- Thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch, quản lý sức khỏe cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty;
- Tổ chức khám bệnh ngoại trú BHYT cho CBCNV;
- Phối hợp với tổ chức Công đoàn tham mưu các vấn đề về an toàn vệ sinh lao động theo pháp lệnh Bảo hộ lao động.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc công ty giao.



❖ Phòng Kỹ thuật – An toàn

• Chức năng

Tham mưu cho Giám đốc công ty trong công tác Quản lý kỹ thuật KCHT đường sắt và công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt.

• Nhiệm vụ

- Lập kế hoạch, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện sản xuất tại các đội định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo công ty;
- Tổ chức nghiệm thu công tác bảo trì KCHT đường sắt và các công trình, sản phẩm khác;
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ xây dựng định mức vật tư, định mức lao động, nhiên liệu trong nội bộ công ty;
- Trực tiếp hoặc phối hợp với đơn vị về quản lý kỹ thuật, tiến độ, chất lượng đối với các công trình và hạng mục công trình thi công thuộc các dự án do công ty đầu tư hoặc tại các gói thầu do công ty ký kết hợp đồng;
- Tổ chức mời thầu (nếu có), tham gia đấu thầu các công trình;
- Lập hồ sơ, thủ tục các công trình để đảm bảo đủ điều kiện tổ chức thi công;
- Tổ chức thi công các công trình ngoài Sản xuất chính;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân cấp, ủy quyền của Giám đốc.



❖ **Phòng Kế hoạch – Kinh doanh**

• **Chức năng**

Tham mưu cho Giám đốc công ty trong việc lĩnh vực kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư trong công ty.

• **Nhiệm vụ**

- Lập kế hoạch, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo trì đường sắt định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất;
- Lập Hồ sơ thanh toán công trình, sản phẩm với các đối tác;
- Xây dựng kế hoạch; phương án giá cho công tác bảo trì đường sắt;
- Xây dựng kế hoạch đấu thầu và hồ sơ mời thầu đối với các gói thầu do Công ty làm chủ đầu tư. Thực hiện việc soạn thảo các Hợp đồng kinh tế, theo dõi tiến độ thực hiện và thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác về lĩnh vực kế hoạch vật tư theo sự phân cấp, giao quyền của Giám đốc.

❖ **Phòng Tài chính – Kế toán**

• **Chức năng**

Tham mưu cho Giám đốc công ty trong công tác tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động kinh tế, tài chính, hạch toán kế toán và quản lý cổ phần.

• **Nhiệm vụ**

- Lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng yêu cầu SXKD của Công ty;
- Tham mưu xây dựng các quy chế, quy định, chế độ quản lý tài chính của Công ty;
- Huy động và điều hòa sử dụng vốn trong toàn công ty, phục vụ hoạt động SXKD đạt hiệu quả cao;
- Kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy chế, quy định của Công ty và pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc phân công



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2018



❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú với bề dày truyền thống và uy tín đã được khẳng định trên thị trường, Công ty đề ra mục tiêu thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng và phát triển để trở thành doanh nghiệp mạnh trong ngành giao thông.
- Nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty cổ phần, đưa Công ty cổ phần phát triển bền vững.
- Đa dạng hóa hình thức nhận thầu thi công trong đấu thầu các dự án lớn, tập trung tăng cường tổ chức và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có đồng thời tìm cách huy động nguồn vốn bên ngoài một cách hợp pháp để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư.
- Củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong nhận thầu, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các công trình.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực sẵn có, đồng thời có chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài để đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.



❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt, quản trị doanh nghiệp là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Công ty thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc, theo định hướng cụ thể như sau:

- Công ty sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là ký kết các hợp đồng, quản lý và triển khai các hợp đồng đã ký, huy động nguồn lực từ nhiều đơn vị; đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp, định hướng hoạt động đầu tư, kiểm tra giám sát việc sử dụng và phát triển nguồn vốn của Công ty tại các đơn vị.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong cùng Công ty. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế quản lý, xác lập mối quan hệ theo chiều dọc, điều hành thống nhất từ trên xuống dưới (giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc).
- Thực hiện định hướng đầu tư phát triển đối với các đơn vị của Công ty trên cơ sở ổn định cơ cấu tổ chức, ngành nghề kinh doanh, sắp xếp đầu tư phát triển nguồn vốn, nguồn nhân lực, nâng cao năng lực máy móc thiết bị phát triển thị trường theo hướng chuyên ngành để tăng hiệu quả kinh doanh.
- Xây dựng một cơ chế hợp lý để khuyến khích các đơn vị trực thuộc sản xuất năng động hơn, chủ động hơn trong công tác tìm kiếm việc làm.



RỦI RO

Rủi ro về mặt kinh tế: Theo báo cáo Điểm lại, ấn phẩm bán thường niên về kinh tế về Việt Nam của Ngân hàng Thế giới phát hành hôm nay (11/12), tốc độ tăng trưởng năm nay dự báo vẫn ở mức 6,8%, cao hơn con số 6,3% dự báo cho các nền kinh tế thị trường mới nổi ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương.

Về trung hạn, tăng trưởng của Việt Nam dự kiến đi theo xu hướng toàn cầu – giảm dần xuống mức 6,6% và 6,5% cho các năm 2019 và 2020. Lạm phát vẫn được duy trì thấp ở mức 4% do chính sách tiền tệ sẽ được thắt chặt.



Báo cáo cũng chỉ ra rằng triển vọng trên vẫn tiềm ẩn những rủi ro đang tích tụ, theo hướng xấu đi. Trong bối cảnh thương mại Việt Nam có độ mở cao, dư địa chính sách tài khóa và tiền tệ còn hạn chế, Việt Nam vẫn dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động bên.

Căng thẳng thương mại toàn cầu leo thang có thể dẫn đến suy giảm nhu cầu về các mặt hàng xuất khẩu, đồng thời thanh khoản trên toàn cầu bị thắt chặt có thể làm giảm dòng vốn đầu tư cũng như đầu tư nước ngoài. Trong nước, cải cách doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngân hàng chậm lại có thể ảnh hưởng đến viễn cảnh tăng trưởng và gia tăng các nghĩa vụ cho khu vực công.

Trong bối cảnh Hiệp định Hợp tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Tự do Thương mại Việt Nam – EU (EVFTA) vừa được thông qua, phần chuyên đề đặc biệt của ấn bản Báo cáo Điểm lại kỳ này tập trung bàn về việc đơn giản hóa các biện pháp phi thuế quan nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu của Việt Nam. Bản phân tích có tính thời sự này là một sản phẩm của Chương trình Hợp tác Chiến lược giữa Australia và Nhóm Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam giai đoạn 2 (ABP2).

Báo cáo nhận định rằng mặc dù thuế quan đang giảm nhanh nhưng số lượng các biện pháp phi thuế quan lại đang tăng lên. Mức thuế ưu đãi bình quân của Việt Nam đã giảm từ 13,1% năm 2003 xuống còn 6,3% năm 2015. Ngược lại, số lượng các biện pháp phi thuế quan lại tăng đến trên 20 lần trong cùng kỳ. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các biện pháp phi thuế quan, nếu được thiết kế và triển khai không tốt, có thể gây hạn chế thương mại, làm méo mó giá cả, và suy yếu năng lực cạnh tranh quốc gia.



- ❖ **Rủi ro về lãi suất:** Kể từ năm 2012 đến nay, cả lạm phát và lãi suất của chúng ta đều trong xu hướng giảm.



Tuy nhiên, tốc độ giảm của lãi suất đã diễn ra chậm hơn so với tốc độ giảm của lạm phát. Giảm lãi suất thêm 1% và kích thích lạm phát tăng thêm 1% là giải pháp quan trọng để đạt mục tiêu tăng trưởng ít nhất 6,5% cho giai đoạn 2017 – 2020.

Điều này đã khiến lãi suất thực tại Việt Nam gia tăng nhanh chóng kể từ năm 2012. Khi mà cả doanh nghiệp (DN) và Chính phủ đều đang nợ tương đối lớn thì lãi suất thực cao ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Chính phủ cũng như DN. Thêm vào đó, khi lãi suất cao, các dự án khả thi ít hơn khiến cho hoạt động đầu tư chậm lại, tăng trưởng kinh tế vì thế cũng bị kéo giảm.

Năm 2018 lạm phát vẫn được duy trì thấp ở mức 4%. Lạm phát sẽ chịu áp lực chủ yếu từ việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ công và giá thực phẩm. Việc điều chỉnh giá dịch vụ khám, chữa bệnh, điều chỉnh tăng mức lương cơ sở, tối thiểu vùng, giá điện tăng 6,08%, giá nhóm dịch vụ giáo dục tăng cũng sẽ tác động vào CPI.

❖ **Rủi ro pháp luật**

Được thành lập theo Luật doanh nghiệp, Công ty chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam. Trước đây hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thì hành chưa đầy đủ, thiếu tinh cập nhật và chông chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn.

Kể từ khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan. Cho đến nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.



❖ **Rủi ro đặc thù ngành:**

Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu, do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.

Tình hình người dân sống dọc hai bên đường sắt lấn chiếm, tái lấn chiếm, xây dựng các công trình, chôn thả gia súc trong hành lang an toàn giao thông đường sắt làm ảnh hưởng đến công tác an toàn chạy tàu. Tình hình vi phạm quy định khi tham gia giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường sắt và đường bộ của người dân đã ảnh hưởng đến công tác của nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn chạy tàu.

Đối với vật tư, vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Đối với các công trình mà công ty đấu thầu hoặc nhận làm thầu phụ thì thời gian quyết toán, thu hồi vốn các công trình này thường diễn ra chậm cũng tác động tới hiệu quả kinh doanh của Công ty.

❖ **Rủi ro về cạnh tranh:**

Sự cạnh tranh trên thị trường cũng là nỗi lo của doanh nghiệp, khi hiện nay trên thị trường có rất nhiều doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực hoạt động, do đó ảnh hưởng đến doanh thu thị phần khách hàng của công ty.

❖ **Rủi ro khác:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu một số rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... Các rủi ro này khi xảy ra ít nhiều đều gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Các chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	KH năm 2018 theo NQ ĐHCĐ	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % năm 2018 so với 2017	Tỷ lệ % 2018 so với NQ
1	Doanh thu	123.815	131.104	103.866	83,89%	79,22%
	Trong đó					
	- Sản phẩm công ích	75.325	85.118	86.112	114,32%	101,17%
	- Sản phẩm ngoài công ích	48.490	45.986	17.754	36,61%	38,61%
2	Chi phí	121.880	128.666	101.866	83,58%	79,17%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.935	2.437	2.581	133,39%	105,91%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.530	1.950	2.001	130,78%	100,00%
5	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	12,45%	15,86%	20,89%		
6	Tỷ lệ trả cổ tức	7,5%	8%	8%	106,67%	100%

Trong năm 2018, tập thể cán bộ, công nhân viên công ty đã rất cố gắng trong việc thực hành tiết kiệm, giảm thiểu chi phí để khắc phục khó khăn chung của ngành đường sắt trong năm qua. Thu nhập bình quân lao động đạt 8,086 triệu đồng/người/tháng tăng 10% so với năm 2017.

❖ Các chỉ tiêu so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Đánh giá
1	Doanh thu sản phẩm đặt hàng	Đạt 100%	Đạt 101,17%	Vượt
2	Doanh thu sản phẩm ngoài đặt hàng	Giảm gần 10%	Giảm 62,4%	Không đạt
3	Thu nhập BQ người lao động	Tăng 10%	Tăng 10%	Đạt
4	Tỷ lệ Lợi nhuận/ Vốn điều lệ	Đạt 15,86%	Đạt 20,89%	Vượt



2. Tổ chức và nhân sự

1. Danh sách Ban điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Việt Anh – Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 27/11/1964

Số CMND: 130752211 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 09/01/2008

Quê quán: Xã Trung Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Thanh Miếu, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ XD cầu đường

Quá trình công tác :



12/1988 - 12/1989	Kỹ sư tập sự tại Đội đại tu đường sắt, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
01/1990 - 12/1993	Kỹ thuật viên, phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
01/1994 - 12/2000	Trưởng phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
01/2001 - 09/2003	Phó Giám đốc, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
10/2003 - 12/2008	Phó Giám đốc, Công ty QL Đường sắt Vĩnh Phú
01/2009 - 04/2012	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty QL Đường sắt Vĩnh Phú
05/2012 - 12/2015	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch kiêm Giám đốc, Cty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú
01/2016 đến nay	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT, Cty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú

Số lượng cổ phần sở hữu: 187.383 cổ phần - Tỷ lệ: 15,24%

Số cổ phần đại diện sở hữu: 313.543 cổ phần - Tỷ lệ: 25,5%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



Ông Trần Như Thăng – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 30/6/1962

Số CMND: 131012469 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 02/10/2007

Quê quán: Xã Văn Khê, huyện Mê Linh, tỉnh Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ XD cầu đường



Quá trình công tác :

5/1987 - 12/1988	Kỹ sư tập sự tại Đội đại tu đường sắt, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
01/1989 - 08/1992	Kỹ thuật viên, phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
09/1992 - 02/1997	Bí thư Đoàn thanh niên, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
03/1997 - 11/1998	Phó phòng Kế hoạch-Vật tư, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
12/1998 - 03/1999	Phó phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
04/1999 - 06/2000	Phó phòng Kế hoạch-Vật tư, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
07/2000 - 11/2007	Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty QL Đường sắt Vĩnh Phú
12/2007 - 11/2015	Phó Giám đốc, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú
12/2015 - 31/12/2015	Giám đốc, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú
01/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú

Số lượng cổ phần sở hữu: 187.282 cổ phần - Tỷ lệ: 15,23%

Số cổ phần đại diện sở hữu: 313.542 cổ phần - Tỷ lệ: 25,5%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



Ông Nguyễn Văn Bình – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 02/12/1966

Số CMND: 130813954 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 08/7/2018

Quê quán: Xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng Đường sắt



Quá trình công tác :

01/1985 - 12/2000	CN duy tu cầu Việt Trì, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
01/2001 - 09/2002	Nhân viên Đội thanh tra Giao thông Đường sắt, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
10/2002 - 01/2014	Giám sát viên, phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp QL Đường sắt Vĩnh Phú
02/2014 - 03/2015	Phó phòng Kỹ thuật&ATGTĐS, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú
04/2015 - 07/2015	Phó phòng Tổ chức lao động, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú
08/2015 - 12/2015	Trưởng phòng Tổ chức lao động, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú
01/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú

Số lượng cổ phần sở hữu: 2.563 cổ phần -Tỷ lệ: 0,21%

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số CMND	Nơi cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Hoàng Thị Thúy Hà	20/12/1973	Trưởng BKS	131056957	Cấp ngày 24/3/2015 tại CA tỉnh Phú Thọ	Phường Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ	0,146%
2	Giang Tiến Duy	16/5/1981	Thành viên	131496941	Cấp ngày 01/3/2014 tại CA tỉnh Phú Thọ	Phường Thọ Sơn, Việt Trì, Phú Thọ	0,063%
3	Nguyễn Thanh Tùng	15/07/1982	Thành viên	013347178	Cấp ngày 07/8/2010 tại CA tp. Hà Nội	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	0,076%

BAN GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số CMND	Nơi cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Trần Như Thăng	30/6/1962	Giám đốc	131012469	Cấp ngày 02/10/2007 tại CA tỉnh Phú Thọ	phường Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ.	15,23%
2	Trần Ngọc Thăng	18/5/1963	Phó GD	135612013	Cấp ngày 29/3/2010 tại CA tỉnh Vĩnh Phúc	TT Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.	0,17%
3	Phạm Xuân Tú	02/7/1982	Phó GD	131239645	Cấp ngày 23/02/2004 tại CA tỉnh Phú Thọ	phường Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ.	0,06%
4	Lê Minh Trường	25/09/1980	Phó GD	135822450	Cấp ngày 01/03/2004 tại CA tỉnh Phú Thọ	phường Đồng Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	0,07%



Ông Bùi Trọng Dũng – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 01/03/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu: 1965 cổ phần - Tỷ lệ: 0,16%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

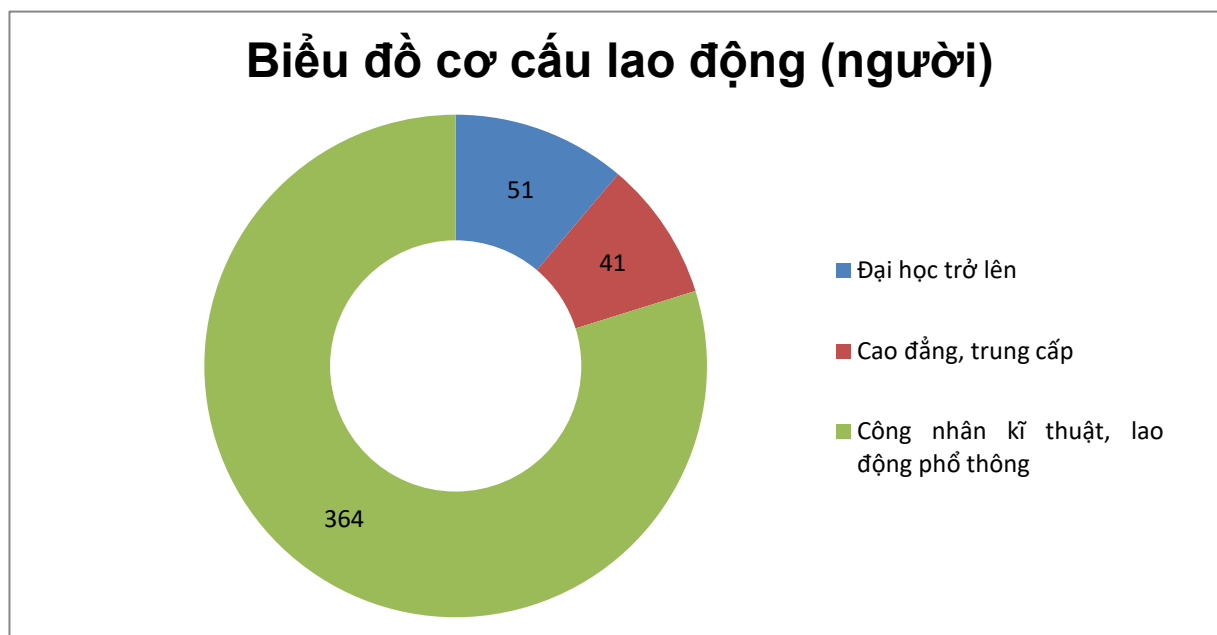
Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



2. Lao động và chính sách lao động

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:



✓ Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đòi hỏi lực lượng lao động giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ quản lý năng động, sáng tạo. Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

✓ Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu công việc đảm nhận.

✓ Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ.

- Chính sách lương thưởng và phúc lợi:

Công ty đã và tiếp tục cải thiện chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

✓ Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và tay nghề cao có nhiều cải tiến trong sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.

✓ Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch, tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

STT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Giá trị thực hiện (Đã có VAT)
1	Máy chèn đường Trung Quốc	02	594.000.000
2	Máy xiết phụ kiện	02	187.000.000
	Cộng		781.000.000

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

c) Công ty mẹ: Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký số 5200152471, đăng ký lần đầu ngày 26/07/2010, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 27/06/2014 tại Sở KHĐT Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ: Số 118 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
 - + Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
 - + Kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
 - + Điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia;
 - + Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không;
 - + Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và sản phẩm cơ khí.
- Vốn điều lệ: 2.268.000.000.000 đồng (Hai nghìn hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng)
- Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ (tại thời điểm 30/06/2018): nắm giữ 627.085 cổ phiếu, tương đương 51% vốn điều lệ.



4. Tình hình tài chính

❖ *Tình hình tài chính*

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	66,631	91,284	-27,01
Doanh thu thuần	102,639	123,731	-17,05
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4,615	2,659	73,56
Lợi nhuận khác	(2,033)	(0,753)	-169,9
Lợi nhuận trước thuế	2,581	1,905	35,49
Lợi nhuận sau thuế	2,001	1,506	32,87

- Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2018 là 66,631 triệu đồng, giảm 27,01% so với năm 2017.

- Doanh thu năm 2018 giảm 17,05% nhưng lợi nhuận gộp tăng 73,94% dẫn đến lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tăng do đã giảm bớt được giá vốn hàng hóa hiệu quả.

❖ *Một số chỉ tiêu tài chính*

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	lần	1,24	1,19
	- Hệ số thanh toán nhanh (=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH	lần	1,12	1,01
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0,78	0,85
	- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	3,52	5,51
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	lần	10,86	4,52
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,54	1,36
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,95%	1,22%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	13,57%	10,74%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	3,00%	1,65%
	- Hệ số Lợi nhuận từ HDDKD/ Doanh thu thuần	%	4,50%	2,15%
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.319	1.225



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

❖ *Cổ phần*

Tính đến hết ngày 31/12/2017, Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú đã phát hành 12.295.790 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 12.295.790 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 12.295.790 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000đồng

❖ *Cơ cấu cổ đông của công ty*

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	235	1.229.579	12.295.790.000	100
1	Tổ chức trong nước	02	637.085	6.370.850.000	51,81
2	Cá nhân trong nước	233	592.494	5.924.940.000	48,19
II	Nước ngoài	-	-	-	-
	Tổng cộng	235	1.229.579	12.295.790.000	100

❖ *Danh sách cổ đông lớn*

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	627.085	6,270,850,000	51%
Nguyễn Việt Anh	187.383	1,571,330,000	15,24%
Trần Như Thăng	187.282	1,567,660,000	15,23%
Tổng cộng	940,984	9,409,840,000	81,47%

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018

- Thuận lợi

Năm 2018 cơ chế chính sách của Nhà nước ngày càng được hoàn thiện có tác dụng hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển bền vững. Công ty có truyền thống trên 60 năm xây dựng và phát triển có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng đường sắt. Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, yêu nghề, có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, quản lý, bảo trì KCHTĐS. Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo giúp đỡ của Bộ GTVT, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các cơ quan hữu quan của Trung ương và địa phương trên địa bàn. Ban lãnh đạo cùng tập thể người lao động trong Công ty đoàn kết, nhất trí cao trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD và chiến lược phát triển của Công ty.

- Khó khăn

Là những năm đầu tiên Công ty thực hiện theo mô hình Cổ phần hóa nên còn gặp nhiều khó khăn trong việc sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới cơ chế, chính sách, các quy chế, quy định quản lý nội bộ theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Số lượng doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề trên thị trường rất nhiều, do đó Công ty chịu áp lực cạnh tranh rất lớn. Trong năm 2018 do một số dự án thi công ở xa và gặp nhiều khó khăn về lao động thuê ngoài, thời tiết khắc nghiệt, nên chi phí cao ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và lợi nhuận của Công ty.



II. Kết quả đạt được trong năm 2018

1. Các chỉ tiêu chính đạt được

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện năm 2018 so với	
				Cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch 2018
I	Tổng doanh thu	Tr.đ	131.104	123.815	103.866	83,89	79,22
1	Sản phẩm công ích	Tr.đ	85.118	75.325	86.112	114,32	101,17
2	Sản phẩm ngoài Công ích	Tr.đ	45.986	48.490	17.754	36,61	38,61
II	Tổng chi phí	Tr.đ	128.666	121.880	101.866	83,58	79,17
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.437	1.935	2.581	133,39	105,91
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	1.950	1.530	2.001	130,78	102,62
V	Tỷ lệ trả cổ tức	%	8,0	7,5	8,0	106,67	100,00
VI	Thu nhập BQ	1000đ/ ng/thg	8.085	7.350	8.086	110,01	100,01
VII	Vốn điều lệ	Tr.đ	12.296	12.296	12.296	100,00	100,0

2. Kết quả thực hiện công tác đầu tư năm 2018

STT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Giá trị thực hiện (Đã có VAT)
1	Máy chèn đường Trung Quốc	02	594.000.000
2	Máy xiết phụ kiện	02	187.000.000
	Cộng		781.000.000



III. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHCĐ 2018

- Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu trên các tuyến đường được giao quản lý, bảo trì.

- Về mặt tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết.

- Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công xứng đáng với năng lực công việc và các chế độ khác theo qui định; được thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ.

- Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả. Thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm các dự án bằng nguồn khấu hao tài sản cố định và vốn vay, vốn tự có năm 2018. Công ty đã thực hiện được 02 dự án là: Mua mới 02 bộ máy chèn đường thủy lực Trung Quốc và 02 máy xiết phụ kiện đường sắt. Đối với 02 dự án là hoán cải 01 móc Goòng M02 và Mua 01 ô tô tải có cần cẩu 10 tấn, sau khi xem xét đến hiệu quả đầu tư của các dự án, Ban điều hành công ty thống nhất, đề nghị Hội đồng quản trị Công ty cho phép chuyển nguồn kinh phí trên sang năm 2019.

- Về công bố thông tin: tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, quy định khi tham gia thị trường chứng khoán.

- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Doanh thu năm 2018 đạt 79,22% so với kế hoạch đề ra (Doanh thu sản phẩm công ích đạt 101,17%; Sản phẩm ngoài Công ích đạt 38,61%); Công ty thường xuyên tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao. Tất cả các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công.

- Thu nhập bình quân năm 2018 là 8.086.000 đồng/người/tháng.

- Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018: Công ty lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán BDO là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 đã được hoàn tất mà không có nội dung ngoại trừ và điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót trọng yếu.



IV. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

1. Những yếu tố ảnh hưởng tới thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019

- Căn cứ quyết định số 2226/QĐ-ĐS ngày 28/12/2018 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc đặt hàng thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm quản lý, bảo dưỡng thường xuyên thuộc KCHT đường sắt Quốc gia cho các Công ty Cổ phần đường sắt, Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt năm 2018. Sản lượng Công ty Cổ phần đường sắt Vĩnh Phú được giao nhiệm vụ là 103,29 tỷ đồng so với phương án tính đủ chỉ đạt 51,3% do vậy sẽ ảnh hưởng đến việc xây dựng tác nghiệp đầu tư sửa chữa, bảo dưỡng đường sắt trên địa bàn quản lý.

- Đối với sản xuất ngoài công ích việc cạnh tranh gay gắt với các đơn vị cùng lĩnh vực trong ngành, cũng như việc tiết giảm vốn đầu tư XDCB của Nhà nước là những khó khăn rất lớn, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Phương hướng, mục tiêu

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.



- Sản phẩm công ích: Hoàn thành 100% khối lượng theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ.

- Các chỉ tiêu khác:

+ Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng;

+ Xóc lắc trên tuyến đảm bảo các chỉ tiêu do Tổng công ty ĐSVN đề ra;

+ Đảm bảo an toàn chạy tàu, không để xảy ra sự cố, tai nạn đặc biệt nghiêm trọng do chủ quan.



3. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận

STT	Danh mục, chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ % so với năm 2018
I	Doanh thu	Tr.đ	103.866	106.300	102,34
	- Sản phẩm đặt hàng	Tr.đ	86.112	86.294	100,21
	- Sản phẩm ngoài đặt hàng	Tr.đ	17.754	20.006	112,68
II	Chi phí:	Tr.đ	101.865	104.174	102,27
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.581	2.658	102,98
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.001	2.126	106,25
V	Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Tr.đ	350	1.500	428,57
VI	Tỷ lệ trả cổ tức	%	8,0	10,4	130,00
VII	Thu nhập BQ	1000đ/ng/th	8.086	8.996	111,25
VIII	Vốn điều lệ	Tr.đ	12.296	12.296	100,00

4. Kế hoạch đầu tư, mua sắm

TT	Hạng mục đầu tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Chưa có VAT)
1	Máy khoan ray	Tr.đ	2	80	160
2	Máy cắt ray	Tr.đ	2	80	160
3	Ô tô tải 1,25 tấn	Tr.đ	1	300	300
4	Máy xiết cóc	Tr.đ	2	135	270
5	Dây truyền sản xuất tà vẹt bê tông dự ứng lực	Tr.đ	1	10.000	10.000
6	Máy chèn đường TQ	Tr.đ	2	270	540
	Cộng	Tr.đ			11.430



5. Kế hoạch lao động, tiền lương

5.1. Tổng số lao động kế hoạch: 500 người. (Trong đó: Người quản lý chuyên trách: 07 người; người lao động: 493 người).

5.2. Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động: 53.293.900.000 đồng.

Trong đó mức tiền lương bình quân người lao động: 9.008.000 đồng/người/tháng.

5.3. Tổng tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách: 1.896.000.000 đồng.

Trong đó mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn Nhà nước: 26.500.000 đồng/người/tháng; mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn Nhà nước: 21.000.000 đồng/người/tháng.

5.4. Tổng quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý không chuyên trách: 84.000.000 đồng.

Trong đó mức thù lao bình quân: 1.750.000 đồng/người/tháng

5.5. Quỹ tiền thưởng kế hoạch của người quản lý: 72.000.000 đồng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

2. Khó khăn:

Trong năm 2018, những diễn biến phức tạp của kinh tế trong nước, sự cạnh tranh quyết liệt trên thị trường của các doanh nghiệp cùng ngành nghề là những khó khăn, mà hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của công ty gặp phải. Các dự án thi công ở xa và gặp nhiều khó khăn về lao động thuê ngoài, thời tiết khắc nghiệt, nên chi phí cao ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và lợi nhuận của Công ty.

3. Thuận lợi:

Công ty có truyền thống trên 60 năm xây dựng và phát triển, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng đường sắt. Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, yêu nghề, có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, quản lý, bảo trì KCHTĐS. Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo giúp đỡ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các cơ quan hữu quan của Trung ương và địa phương trên địa bàn. Ban lãnh đạo cùng tập thể người lao động trong Công ty đoàn kết, nhất trí cao trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD và chiến lược phát triển của Công ty nên đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

I. KẾT QUẢ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

1. Kết quả doanh thu, chi phí, lợi nhuận

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện năm 2018 so với	
				Cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch 2018
I	Tổng doanh thu	Tr.đ	131.104	123.815	103.866	83,89	79,22
1	Sản phẩm công ích	Tr.đ	85.118	75.325	86.112	114,32	101,17
2	Sản phẩm ngoài Công ích	Tr.đ	45.986	48.490	17.754	36,61	38,61
II	Tổng chi phí	Tr.đ	128.666	121.880	101.866	83,58	79,17
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.437	1.935	2.581	133,39	105,91
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	1.950	1.530	2.001	130,78	102,62
V	Tỷ lệ trả cổ tức	%	8,0	7,5	8,0	106,67	100,00
VI	Thu nhập BQ	1000đ/ng/thg	8.085	7.350	8.086	110,01	100,01



2. Quản trị nguồn nhân lực

Năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế, qui định cho phù hợp với quy mô, đặc thù, tính chất ngành nghề và lĩnh vực hoạt động của Công ty. Tạo động lực, sức cạnh tranh, kích thích, thúc đẩy, nâng cao uy tín, đạo đức, năng lực, trách nhiệm, đóng góp, cống hiến...của đội ngũ cán bộ quản lý cho sự nghiệp phát triển Công ty.

Chỉ đạo Ban điều hành thường xuyên kiểm tra, rà soát, điều chỉnh tăng tiền lương, tiền thưởng cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động, để người lao động yên tâm làm việc, lao động cống hiến cho công ty.

3. Quản lý hoạt động tài chính

Thực hiện công tác quản trị tài chính doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế tài chính của công ty, nguồn vốn lưu động ưu tiên tập trung cho sản xuất và đầu tư.

Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả.

Chỉ đạo quyết liệt công tác thu hồi công nợ, tạo sự chủ động trong việc điều tiết, luân chuyển, bảo đảm quay vòng vốn hiệu quả, hạn chế sự phụ thuộc vốn vay tín dụng, bảo đảm phục vụ kịp thời cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư ổn định, an toàn.

Việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện đúng theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

4. Quản lý giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018, mặc dù có nhiều khó khăn nhưng công ty vẫn khẳng định được chỗ đứng vững chắc đối với thị trường, khẳng định được thương hiệu và uy tín với khách hàng. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo điều hành trên cơ sở kiểm soát việc ký kết các hợp đồng kinh tế thông qua các nghị quyết, chủ trương định hướng cụ thể. Chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD. Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng; nỗ lực tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho CBCNV. Thực hiện đầy đủ trách



nhệm báo cáo, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty đúng quy định của pháp luật.

Giao quyền cho Ban điều hành thực hiện công tác khoán quản, khoán sản phẩm, khoán doanh thu và lợi nhuận, đã góp phần kích thích nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm, củng cố uy tín, thương hiệu tạo sức hút đối với khách hàng, trong đó phải kể đến các đối tác, khách hàng lâu năm và khách hàng truyền thống.

5. Quản lý giám sát đầu tư

Năm 2018, thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm các dự án bằng nguồn khấu hao tài sản cố định và vốn vay, vốn tự có. Công ty đã thực hiện được 02 dự án là: Mua mới 02 bộ máy chèn đường thủy lực Trung Quốc và 02 máy xiết phụ kiện đường sắt.

Đối với 02 dự án là hoán cải 01 móc Goòng M02 và mua 01 ô tô tải có cần cầu 10 tấn, sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị công ty thống nhất đề nghị Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, cho chuyển nguồn kinh phí trên sang năm 2019.

6. CHI TRẢ CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

Năm 2018 Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông là 7,5%, và đã thực hiện lưu ký bổ sung cổ phiếu theo quy định. Trong năm, công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên hội đồng quản trị là 2.000.000 đồng/người/tháng và các thành viên ban kiểm soát là 1.000.000 đồng/người/tháng, mức chi trả này đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.

7. TỔNG KẾT CÁC PHIÊN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức 65 phiên họp chính thức và các phiên họp mở rộng tới ban kiểm soát và cán bộ chủ chốt của công ty, gồm các nội dung:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
- Thông qua một số quy chế nội bộ của Công ty.
- Quyết định một số nội dung liên quan đến tổ chức, sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.



- Chỉ đạo Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời theo yêu cầu SX kinh doanh của Công ty.

- Các nội dung liên quan đến công tác cán bộ của Công ty

- Sơ kết hàng tháng, thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và giao chỉ tiêu kế hoạch hàng tháng, hàng quý năm 2018.

- Thông qua dự thảo chương trình, tài liệu đại hội và phân công tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Các nghị quyết của hội đồng quản trị đều đúng, trúng trọng tâm của từng giai đoạn, từng thời điểm, đưa ra các quyết sách quản trị, tổ chức chỉ đạo và điều hành kịp thời. Trực tiếp và gián tiếp giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, để đẩy mạnh tốc độ sản xuất kinh doanh.

8. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty là một tập thể đoàn kết, sáng tạo trong chỉ đạo điều hành, thường xuyên bám sát và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; Nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty đề ra. Trong hoạt động của mình mỗi đồng chí đã phát huy được trách nhiệm cá nhân, luôn có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo và kinh nghiệm công tác, hoàn thành nhiệm vụ được phân công phụ trách. Quan tâm xây dựng khối đoàn kết thống nhất tạo nên một tập thể đoàn kết, có uy tín.

Năm 2018, Ban điều hành đã chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD: Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng; nỗ lực tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho CBCNV. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty đúng quy định của pháp luật.



III. Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2019

1. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ % so với năm 2018
I	Doanh thu	Tr.đ	103.866	106.300	102,34
	- Sản phẩm đặt hàng	Tr.đ	86.112	86.294	100,21
	- Sản phẩm ngoài đặt hàng	Tr.đ	17.754	20.006	112,68
II	Chi phí:	Tr.đ	101.865	104.174	102,27
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.581	2.658	102,98
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.001	2.126	106,25
V	Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Tr.đ	350	1.500	428,57
VI	Tỷ lệ trả cổ tức	%	8,0	10,4	130,00
VII	Thu nhập BQ	1000đ/n g/th	8.086	8.996	111,25
VIII	Vốn điều lệ	Tr.đ	12.296	12.296	100,00

2. Kế hoạch đầu tư, mua sắm

TT	Hạng mục đầu tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Chưa có VAT)
1	Máy khoan ray	Tr.đ	2	80	160
2	Máy cắt ray	Tr.đ	2	80	160
3	Ô tô tải 1,25 tấn	Tr.đ	1	300	300
4	Máy xiết cóc	Tr.đ	2	135	270
5	Dây truyền sản xuất tà vẹt bê tông dự ứng lực	Tr.đ	1	10.000	10.000
6	Máy chèn đường TQ	Tr.đ	2	270	540
	Cộng	Tr.đ			11.430



3. Các giải pháp

- Tiếp tục tập trung công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, trong đó tập trung cao nhất nguồn lực vào công tác hoàn thành 100% khối lượng sản phẩm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, khai thác các sản phẩm, dịch vụ ngoài công ích có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2018, nhằm tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, trọng dụng nguồn nhân lực có chuyên môn cao, tâm huyết, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực cho Công ty. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, tăng cường công tác đào tạo nâng cao tay nghề, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm của CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Điều chỉnh mô hình tổ chức sản xuất của Công ty, sao cho thích ứng tốt nhất với các quy định mới của pháp luật, kịp thời đón bắt các cơ hội kinh doanh mới nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. Hội đồng quản trị

Thành viên hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	187.383	15,24%
2	Trần Như Thăng	Thành viên HĐQT	187.282	15,23%
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT	2.563	0,21%

Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2018

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	100%
2	Trần Như Thăng	Thành viên HĐQT	100%
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT	100%

Năm 2018, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của công ty để đề ra và triển khai các Nghị quyết. HĐQT đã tổ chức họp 06 phiên để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của công ty. Một số công việc chính:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
- Thông qua một số quy chế nội bộ của công ty
- Quyết định một số nội dung liên quan đến tổ chức, sản xuất kinh doanh của công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT
- Chỉ đạo, giám sát công tác đầu tư phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành theo chủ trương, định hướng của công ty theo thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
- Chỉ đạo Ban điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty
- Thông qua các Báo cáo Tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý và năm 2018

Hoạt động của Thành viên hội đồng quản trị độc lập:

Công ty không có Thành viên HĐQT độc lập.



2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Hoàng Thị Thúy Hà	Trưởng BKS	1.794	0,146%
2	Giang Tiến Duy	Thành viên BKS	769	0,06%
3	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS	940	0,08%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2018 Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó, cụ thể Ban kiểm soát đã thực hiện những nội dung cụ thể như sau:

- Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), đưa ra các kiến nghị với HĐQT – Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý Công ty.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban giám đốc trong năm 2018, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng, năm của Công ty; xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

- Họp Ban Kiểm soát mỗi quý 01 lần (không kể các cuộc họp bất thường). nhằm xem xét, đánh giá các hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Các công việc khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.



3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban TGD và BKS năm 2018

Thù lao HĐQT và Ban Giám đốc

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch	0	276.620.000	276.620.000
2	Trần Như Thắng	Thành viên	24.000.000	240.680.000	264.680.000
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên	24.000.000	151.283.000	175.283.000
	Cộng		48.000.000	611.583.000	709.583.000

Thù lao Ban kiểm soát

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Hoàng Thị Thúy Hà	Trưởng BKS	0	142.600.000	142.600.000
2	Giang Tiến Duy	Thành viên BKS	18.000.000	110.042.000	128.042.000
3	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS	18.000.000	124.899.000	142.899.000
	Cộng		36.000.000	362.541.000	398.541.000

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

Không có

5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời vào quy chế quản trị nội bộ của Công ty, một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh, ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Quy chế quản trị công ty được thông qua tại đại hội đồng cổ đông



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



1. Tiêu thụ năng lượng

- Tiêu thụ điện năng

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là chiếu sáng tại các kho bãi và sử dụng trong công việc của bộ phận hành chính – văn phòng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách thay thế toàn bộ bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn huỳnh quang, tắt các thiết bị điện khi không cần thiết; rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

- Tiêu thụ nước

Mục đích sử dụng: Do đặc thù của ngành kinh doanh nên Công ty chỉ sử dụng nước vào mục đích sinh hoạt cũng như vệ sinh kho bãi. Công ty không trực tiếp tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo nguồn nước sau khi sử dụng được thu gom và xả thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

2. Bảo vệ môi trường

- Tuân thủ pháp luật về môi trường

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Vì vậy, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty chưa từng bị nhắc nhở, xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.

- Xây dựng hồ sơ pháp lý trong công tác môi trường

- Thực hiện đăng ký Đề án bảo vệ môi trường
- Lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
- Xây dựng khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại (nếu có)
- Phân công Trạm y tế Công ty theo dõi thường xuyên công tác bảo vệ môi trường



- **Thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên, định kỳ**

- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 02 lần/năm
- Ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp
- Định kỳ tổ chức vệ sinh kho bãi, nạo vét hệ thống thoát nước... đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan tại công ty
- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại nếu có
- Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến công tác môi trường theo đúng quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý
- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, nhất là bộ phận trực tiếp sản xuất
- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh luôn chủ động thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh. Ví dụ như: bảo dưỡng máy móc thiết bị để giảm tiếng ồn khi vận hành, vệ sinh bãi để giảm bụi...

**VÌ MỘT MÔI TRƯỜNG
XANH, SẠCH, ĐẸP**



3. Chính sách liên quan đến người lao động

❖ Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

STT	Phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Mức lương trung bình (Đồng/người/tháng)
1	Theo giới tính:			
	- Nam	282	61,8%	8.086.000
	- Nữ	174	38,2%	
2	Theo HĐLĐ:			
	- Theo thời gian (ban cấp)	248	54,4%	
	- Theo khoán sản phẩm	168	36,8%	
3	Theo trình độ:			
	- Đại học trở lên	51	9%	
	- Cao đẳng, trung cấp	41	11%	
	- Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	394	80%	

❖ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

• **Đảm bảo sức khỏe và an toàn cho CBCNV:**

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN.
- Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động ít nhất 01 lần/năm
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật lao động
- Cung cấp nước sạch tại nơi làm việc, trang bị bảo hộ lao động và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động như định kỳ kiểm định máy, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động...



- **Đảm bảo phúc lợi cho CBCNV**

- Đảm bảo mức thu nhập ổn định cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách lương - thưởng phù hợp và minh bạch.
- Chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV thông qua các hoạt động văn hóa – thể thao, các chương trình tham quan, du lịch,...
- Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo,...
- Khuyến khích con em của CBCNV thi đua học tập bằng các phần quà ý nghĩa nhân các dịp tết thiếu nhi và Trung Thu.

- **Đảm bảo bình đẳng giới**

Công ty cũng chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới – bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:

- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam.
- Thực hiện đúng các chế độ đối với lao động nữ theo quy định của pháp luật
- Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp.
- Định kỳ hàng năm, Công ty có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

- ❖ **Hoạt động đào tạo người lao động**

Số giờ đào tạo bình quân của mỗi CBCNV trong năm 2017 là 40h/CBCNV. Trong đó, có các chương trình đào tạo như sau:

- Đào tạo về chuyên môn, kỹ năng làm việc cho người lao động mới vào Công ty; đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV
- Đào tạo về An toàn vệ sinh lao động, kỹ năng PCCC cho CBCNV
- Các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình, hội thảo, chuyên đề do Ủy ban chứng khoán nhà nước, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Thành phố, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các tổ chức khác tổ chức có liên quan đến hoạt động của Công ty như nghiệp vụ kế toán, chế độ báo cáo về chứng khoán, chính sách mới về thuế, lao động, bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ xuất nhập khẩu...



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	TÀI SẢN	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	57.739.058.209	69.123.263.761
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	11.049.633.809	2.881.796.151
1	Tiền	111	11.049.633.809	2.881.796.151
2	Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	41.141.327.596	55.520.724.197
1	Phải thu của khách hàng	131	34.913.660.681	49.439.049.304
2	Trả trước cho người bán	132	-	137.500.000
3	Các khoản phải thu khác	136	6.227.666.915	5.944.174.893
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	-
IV	Hàng tồn kho	140	5.390.249.654	10.583.910.445
1	Hàng tồn kho	141	5.390.249.654	10.583.910.445
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	157.847.150	136.832.968
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	157.847.150	136.832.968
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	8.892.256.281	22.160.788.093
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II	Tài sản cố định	220	8.492.256.281	9.499.641.463
1	Tài sản cố định hữu hình	221	8.492.256.281	9.499.641.463
	<i>Nguyên giá</i>	<i>22</i>	<i>26.039.350.569</i>	<i>25.329.350.569</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223</i>	<i>(17.547.094.288)</i>	<i>(15.829.709.106)</i>
III	Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260	400.000.000	12.661.146.630
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	400.000.000	12.661.146.630
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	66.631.314.490	91.284.051.854



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
A	NỢ PHẢI TRẢ	300	51.889.285.581	77.266.302.654
I	Nợ ngắn hạn	311	46.745.346.781	58.110.000.274
1	Phải trả người bán ngắn hạn	312	10.857.965.026	19.734.716.190
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	4.524.702.000	139.000.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	2.237.058.956	3.513.459.671
4	Phải trả người lao động	315	6.815.503.131	7.654.314.158
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	-	-
6	Phải trả ngắn hạn	319	7.331.358.575	12.154.003.886
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14.419.638.598	14.260.725.483
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	559.120.495	653.780.886
II	Nợ dài hạn	330	5.143.938.800	19.156.302.380
1	Phải trả nội bộ dài hạn	331	5.143.938.800	10.519.850.680
2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
3	Phải trả dài hạn khác	337	-	8.636.451.700
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	14.742.028.909	14.017.929.200
I	Vốn chủ sở hữu	410	14.742.028.909	14.017.929.200
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	12.295.790.000	12.295.790.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	445.504.730	215.981.000
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.000.734.179	1.506.158.200
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-	-
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	2.000.734.179	1.506.158.200
I	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	66.631.314.490	91.284.231.854



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	102.639.246.546	123.731.767.481
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	102.639.246.546	123.731.767.481
4	Giá vốn hàng bán	11	86.730.001.872	115.063.364.029
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	15.909.244.674	8.668.403.452
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	35.705.035	33.264.871
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	417.563.765	545.427.636
	- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	417.563.765	545.427.636
8	Chi phí bán hàng	25	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.912.096.244	5.497.188.859
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	4.615.289.700	2.659.051.828
11	Thu nhập khác	31	1.191.217.234	50.266.090
12	Chi phí khác	32	3.224.607.767	804.051.528
13	Lợi nhuận khác	40	(2.033.390.533)	(753.785.438)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.581.899.167	1.905.266.390
15	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	581.164.988	399.108.190
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.000.734.179	1.506.158.200
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.319	1.225
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	129.806.917.350	130.154.535.779
2	Tiền chi trả cho người cung cấp HH&DV	02	(49.469.900.940)	(50.379.993.506)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(48.699.082.958)	(57.620.353.297)
4	Tiền lãi vay đã trả	04	(417.563.765)	(531.307.486)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(456.662.601)	(373.373.683)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.056.363.031	1.889.823.597
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(31.143.846.359)	(28.830.247.626)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.676.223.758	(5.690.916.222)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(781.000.000)	(3.094.865.000)
2	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	35.705.035	33.264.871
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(745.294.965)	(3.061.600.129)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ đi vay	33	37.893.205.908	45.678.589.320
2	Tiền trả nợ gốc vay	34	(37.734.292.793)	(47.083.627.766)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH	36	(922.184.250)	(869.312.353)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(763.271.135)	(2.274.350.799)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.167.657.658	(11.026.867.150)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.881.976.151	13.908.843.301
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.049.633.809	2.881.976.151

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



SIAM ĐỐC

Trần Như Hằng

